

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HD
TỈNH HD**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2017/HSST

Ngày: 29/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD - TỈNH HD

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thúy Hạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Thúy - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Nguyễn Công Hoan - Cán bộ nghỉ hưu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố HD.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh HD tham gia phiên
tòa:* Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD,
tỉnh HD mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
248/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Sỹ T - sinh năm: 1973.

ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 10 ngõ 171 Nguyễn Hữu C, phường Ngọc
Châu, thành phố HD, tỉnh HD.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông: Phạm Sỹ H, sinh năm: 1935 và con bà Nguyễn Thị A1, sinh
năm: 1935. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Ngô Thị
A2, sinh năm: 1976. Bị cáo có 02 con, con lớn - sinh năm: 2004; con nhỏ -
sinh năm: 2007.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2017 đến ngày
08/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố HD thay thế biện
pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Mạc Văn Kh**, sinh năm: 1984.

Trú tại: Thôn An L, xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh HD. Có đơn xin
vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi liên quan: Anh **Mạc Đức T**, sinh năm: 1978.

Trú tại: Số 3/44/88 Vũ H, phường Thanh Bình, thành phố HD, tỉnh HD.
Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Sỹ T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Mạc Văn Kh ở Thôn An L, xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh HD có nợ 2.700.000 đồng tiền cước đi taxi của hãng taxi Ngọc Anh, địa chỉ: Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố HD chưa trả. Trần Văn A là nhân viên thanh tra của hãng taxi Ngọc Anh được chị Vũ Thị K - giám đốc hãng taxi Ngọc Anh giao cho nhiệm vụ đi đòi tiền của khách nợ tiền đi taxi. A có nhờ anh Lương Đình Khoa ở số 26/167 Nguyễn Thượng Mẫn, phường Bình Hàn, thành phố HD nếu gặp anh Kh ở đâu thì thông báo cho A để A gặp anh Kh đòi tiền nợ đi taxi.

Khoảng 16h00'ngày 21/8/2016, anh Kh cùng Nguyễn Trung K, nơi ĐKNKTT: số 9/50 Canh Nông, phường Quang Trung, thành phố HD, thấy Kh đang ngồi uống nước tại vỉa hè đầu đường Tự Đông, phường Cẩm Thượng, thành phố HD, anh Kh vào gặp Kh và bảo Kh nợ tiền của A thì bây giờ anh Kh gọi điện cho A sang giải quyết. Anh Kh gọi điện thoại cho A báo cho A biết đang gặp Kh ở gần nhà nghỉ Ánh Tuyết 2, phường Cẩm Thượng, thành phố HD. A liền rủ Trần Văn L, Vũ Xuân Qu, Hoàng Văn Th, Phạm Sỹ T đang chơi ở nhà trọ của A ở khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố HD đi lên thành phố HD để bắt anh Kh về giải quyết nợ, do L mệt nên không đi còn tất cả đồng ý đi cùng A. Qu cầm theo 02 thanh tuýp sắt dài khoảng 60cm, màu trắng ở nhà trọ của A. Tất cả đi bộ ra Quốc lộ 5 thuê xe taxi đi thì gặp anh Phạm Xuân H là bạn A đang đi xe máy đến nên A rủ anh H đi chơi cùng, anh H đồng ý lên xe taxi của hãng Ngọc Anh, lái xe là anh Trần Đăng Đoàn, nơi ĐKNKTT: xóm 7, xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh HD chở đi thành phố HD. A bảo anh Đoàn chở lên nhà nghỉ Ánh Tuyết 2. Khi đến trước cửa nhà số 8 Tự Đông, phường Cẩm Thượng, A thấy anh Kh đang đứng cùng anh Kh, anh K và chị Hoàng Thị Ng (là bạn Kh), trú quán: xã Nhất Hòa, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn thì A, T, Th và Qu xuống xe, Th và Qu mỗi người cầm 01 thanh tuýp sắt vào gặp Kh còn anh H vẫn ngồi trên taxi chơi điện tử. A bảo Kh lên xe về Công ty nói chuyện, anh Kh không đi và nói chờ 5 phút điện thoại cho người nhà đến trả tiền. A cầm 01 thanh gỗ dài khoảng 02m, bản rộng khoảng 05 cm dựng ở gốc cây bàng gần đó. A giơ gậy về phía sau vai của anh Kh và nói có đi không, Th và Qu cầm tuýp sắt đứng bên cạnh anh Kh. Anh Kh không đi nên A quàng tay vào cổ anh Kh đẩy ra xe taxi, Th

đi bên cạnh, T và Qu đi phía sau anh Kh. A thấy anh Kh đã đi theo nên vút lại thanh gỗ ở gốc cây bàng, khi đến gần cửa taxi, T dùng chân đạp một phát vào hông anh Kh, đẩy anh Kh vào trong xe. A bảo anh Đoàn chở về nhà trọ của A còn anh K và anh Kh vẫn ở lại quán nước thì chị Ngọc nhờ anh Kh và anh K đi tìm xem nhóm A đưa anh Kh đi đâu, nợ nần thế nào thì thông báo cho chị Ngọc lo trả, anh Kh đồng ý. Về đến phòng trọ của A, anh H ngồi chơi khoảng 5 phút rồi về trước, còn A, Th, T, Qu đưa anh Kh vào trong phòng khách, T lấy 02 bát sứ, bắt anh Kh quỳ vào 02 chiếc đế bát đặt ở giữa phòng và tát anh Kh 02 phát vào mặt, Qu cầm tuýp sắt đứng sau anh Kh. A bảo L lấy giấy bút đưa cho anh Kh viết hết các khoản nợ ra giấy gồm: nợ cước taxi Ngọc Anh là 2.700.000 đồng và các khoản tiền khác của anh em ngoài xã hội A phải trả thay cho anh Kh 2.100.000 đồng, nợ anh H 5.000.000 đồng, nợ anh Phạm Ngọc Giao, địa chỉ số 210 Điện Biên Phủ, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố HD là 300.000 đồng, cầm xe máy của anh Nguyễn Minh T (Chiến), địa chỉ khu 14 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố HD lấy 5.700.000 đồng, bồi thường 1.000.000 đồng tiền Kh cầm điện thoại của L chưa trả và trả cho A 5.000.000 đồng chi phí A đi lại tìm anh Kh, A đồng ý các khoản nợ, vay nợ và mượn xe. A yêu cầu anh Kh viết hết những khoản nợ ra giấy, tổng số tiền là 22 triệu đồng. Do sợ bị nhóm A đánh nên anh Kh đã viết giấy nhận nợ. Anh Kh và anh K đến phòng trọ của A thì qua anh Kh, A gọi điện cho chị Ngọc nói: “Cho đến chiều mai để lo trả nợ”. A đưa cho anh Kh và anh K cầm một bản tường trình nhận nợ của anh Kh về đưa cho chị Ngọc biết số tiền anh Kh nợ. Còn A, L, T, Qu, Th thay nhau trông giữ anh Kh. Đến khoảng 10h ngày 22/8/2016, T yêu cầu anh Kh điện thoại cho người nhà đem tiền đến trả thì mới cho về, anh Kh sợ hãi nên điện thoại cho em họ là anh Mạc Đức T, trú tại số 3/44/88 Vũ H, phường Thanh Bình để cầu cứu và nhờ mang tiền đến trả cho A. Anh T lo sợ đến sự an toàn về tính mạng và sức khỏe của anh Kh nên đã trình báo Cơ quan Công an. Đến 13h cùng ngày, nhận được đơn trình báo, Tổ công tác của Công an thành phố HD đã bắt quả tang A, L, Th và Qu đang có hành vi giữ anh Kh nhằm chiếm đoạt tài sản, còn T đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD đã tách vụ án đối với hành vi của Phạm Sỹ T và ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can và ra lệnh truy nã đối với T. Ngày 05/9/2017, T đến Phòng Cảnh sát truy nã tội phạm - Công an tỉnh HD đầu thú.

Vật chứng: 01 tuýp sắt bằng kim loại, màu trắng sáng dài 62cm, đường kính 2cm, một đầu quần dây cao su màu đen; 01 tuýp sắt bằng kim loại màu trắng, bên trong rỗng, dài 65cm, đường kính 2cm, một đầu in chữ VINAPI; 01 điện thoại di động Sam Sung Viettel GT-E 1081T, màu đỏ, đen, số IMEI 356149/04/91508718 bên trong lắp sim số 0963.987.527 thu giữ của Trần

Văn L; 01điện thoại di động Viettel Model V6503, màu đồng, 2 sim, 2 sóng, số IMEI 354902060061065 SVN78; 35490260061073 SVN78 bên trong lắp 02 sim số 0988449553 và 0936779574 thu giữ của Trần Văn A; 01 điện thoại di động 110I, màu trắng đen, số xeri 353943015749082, IMEI 354308 bên trong lắp sim số 0914918862 thu giữ của Hoàng Văn Th đã được giải quyết trong Bản án số 11/2017/HSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HD.

Đối với vật chứng là 01 thanh gỗ dài khoảng 2m, bản rộng khoảng 5cm, A đã để lại ở gốc cây bàng trước cửa nhà số 8 Tự Đông, phường Cẩm Thượng, thành phố HD, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD đã truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Mạc Văn Kh yêu cầu bị cáo Phạm Sỹ T bồi thường cho anh 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần.

Tại bản cáo trạng số: 244/VKS-HS ngày 23/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD đã truy tố Phạm Sỹ T về tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời xác định cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội danh trên là đúng. Bị cáo trình bày bố, mẹ đẻ bị cáo đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và xác định do nể bị cáo A là bạn, do bộc phát nên cùng nhau đi tìm và bắt giữ anh Kh để đòi tiền mà không có sự bàn bạc, phân công cụ thể công việc của từng người. Bị cáo nhất trí bồi thường thêm cho anh Mạc Văn Kh số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Anh Mạc Văn Kh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần.

Anh Mạc Đức T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trình bày anh không bị thương tích, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Sỹ T phạm tội: "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 134; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Sỹ T từ 24 đến 27 tháng tù, được trừ 3 ngày tạm giữ (từ ngày 05/9/2017 đến ngày 08/9/2017), bị cáo còn phải chấp hành từ 23

tháng 27 ngày tù đến 26 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Phạm Sỹ T không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 590; Điều 592 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Sỹ T phải bồi thường cho anh Mạc Văn Kh số tiền 3.000.000 đồng tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Kh có đơn yêu cầu thi hành các khoản tiền trên mà bị cáo Phạm Sỹ T chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Phạm Sỹ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn trình báo, bản tường trình, biên bản nhận dạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16h00' ngày 21/8/2016, tại trước cửa nhà số 8 phố Tự Đông, phường Cẩm Thượng, thành phố HD, Phạm Sỹ T cùng Trần Văn A, Hoàng Văn Th, Vũ Xuân Qu, Trần Văn L ép anh Mạc Văn Kh lên xe ô tô taxi hãng Ngọc Anh đưa về nhà trọ của A ở khu Tiền Trung, Ái Quốc, thành phố HD mục đích để đòi tiền nợ và giữ trái phép anh Kh đến khoảng 12h30' ngày 22/8/2016, T và đồng phạm đe dọa anh Kh làm anh Kh sợ phải viết giấy nhận nợ số tiền 22.000.000 đồng và yêu cầu anh Kh phải nhắn tin, điện thoại cho người thân đến trả nợ nhằm chiếm đoạt số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) thì mới cho anh Kh về, đến 13h00' ngày 22/8/2016 thì bị Tổ Công tác của Công an thành phố HD bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Như vậy, bị cáo T và đồng phạm đã có hành vi bắt anh Kh về nhà trọ của A làm con tin nhằm buộc người thân của anh Kh phải giao số tiền 22 triệu đồng cho chúng

thì mới thả anh Kh về đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên bị cáo T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD truy tố về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của anh Kh và xâm phạm đến tài sản của anh T là người thân của anh Kh gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu và hoang mang trong xã hội. Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình và đồng phạm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý bắt giữ anh Kh trái phép nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 22.000.000 đồng của người thân anh Kh, vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Trong vụ án này, T và đồng phạm có mục đích chiếm đoạt tài sản, để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, sau khi bắt giữ anh Kh trái phép, T và đồng phạm đã đe dọa người thân của anh Kh là anh T, anh T đã có tâm lý lo sợ cho sự an toàn của anh Kh nên anh T đã trình báo Cơ quan Công an. T và đồng phạm cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công nhiệm vụ hoặc câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. A là người đề xuất thực hiện việc bắt anh Kh và yêu cầu người thân của anh phải nộp số tiền 22 triệu đồng một cách tích cực được bị cáo T và các anh Qu, Th, L đồng ý. Bị cáo T cùng những người khác hưởng ứng việc A rủ đi bắt và yêu cầu anh Kh và người nhà mang tiền đến thì mới cho anh Kh về. Bị cáo T dùng chân đạp một phát vào mông anh Kh, bắt anh phải lên xe taxi. Khi ở trong nhà trọ của A, T lấy hai bát sứ bắt anh Kh quỳ vào hai bát sứ, tát anh Kh hai cái, cùng mọi người thay nhau trông giữ, yêu cầu anh Kh gọi điện thoại cho người nhà đem tiền đến cho bọn chúng thì mới cho anh Kh về nên bị cáo T có vai trò thứ hai sau A. Còn lại Qu, Th và L đồng phạm với T và A với vai trò giúp sức và có vị trí sau cùng trong vụ án. Tuy nhiên, xét bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo. Bị cáo đầu thú và bố, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo T bỏ trốn, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Đối với Trần Văn A, Vũ Xuân Qu, Hoàng Văn Th và Trần Văn L đã bị Tòa án nhân dân thành phố HD xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 17/01/2017.

Đối với anh Phạm Xuân H được A rủ đi chơi nhưng không biết A đi ép anh Kh để đòi nợ, khi nhóm A xuống ép anh Kh đi theo thì anh H vẫn ở trên xe taxi chơi điện tử nên không biết anh Kh bị ép lên xe taxi, khi về đến nhà trọ của A thì anh H đi về, không biết anh Kh bị ép viết giấy nhận nợ, anh H không thuê và không nhờ A đòi tiền của anh Kh nên anh H không đồng phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố HD không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với chị Vũ Thị K là giám đốc Công ty taxi Ngọc Anh có giao nhiệm vụ cho A đi đòi tiền của khách hàng nợ tiền cước taxi, chị K yêu cầu A không được đánh đập, không có hành vi vi phạm pháp luật đối với khách hàng, khi A ép và đưa anh Kh về nhà trọ của A yêu cầu viết giấy nhận nợ thì chị K không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với anh Trần Đăng Đoàn được A thuê chở đi chở anh Kh thì anh Đoàn không biết việc nhóm của A ép anh Kh lên taxi, không biết mục đích của nhóm A nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với anh Lương Đình Khoa và anh Nguyễn Trung K được A nhờ gặp anh Kh ở đâu thì thông báo cho A để A gặp đòi tiền nhưng anh Kh và anh K không được trả tiền công, không có sự bàn bạc thống nhất để thực hiện hành vi phạm tội và không biết trước việc A sẽ bắt giữ anh Kh cũng như không tham gia vào việc bắt giữ anh Kh. Anh Kh và anh K đi đến nhà trọ của A cầm tờ giấy photo nhận nợ về đưa cho chị Ngọc (là bạn anh Kh) là do chị Ngọc nhờ đi theo để giúp đỡ anh Kh không bị đánh và anh Kh nợ tiền thế nào thì thông báo cho chị Ngọc để chị Ngọc lo trả nợ cho anh Kh. Anh K và anh Kh đã thông báo cho chị Ngọc biết anh Kh bị nhóm A giữ để chị Ngọc có thể báo Cơ quan Công an. Do vậy, hành vi của anh Kh và anh K không đồng phạm với A và không phạm tội Không tố giác tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Minh T và anh Phạm Ngọc Giao không nhờ cũng không thuê A để đòi tiền, đòi xe mà anh Kh nợ và mượn của anh T, anh Giao; đối với chiếc xe máy anh Kh mượn của anh T (Chiến) thì anh T đồng ý cho anh Kh mượn để cầm cố, anh T không có đề nghị gì, anh T và anh Kh tự giải quyết dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại MobiStas L mua 1.000.000 đồng bị hỏng pin, L khai là anh Kh lấy trộm của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD đã T hành xác minh nhưng chưa làm rõ được nên Cơ quan Cảnh sát

điều tra - Công an thành phố HD tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh HD. Riêng bị cáo T đã bỏ trốn. Ngày 05/9/2017, T đến Phòng Cảnh sát truy nã tội phạm - Công an tỉnh HD đầu thú. Cơ quan điều tra đã phục hồi điều tra, quá trình điều tra, anh Kh trình bày anh vẫn bị ảnh hưởng về tinh thần nên yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh 3.000.000 đồng tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Tại phiên tòa, bị cáo T nhất trí bồi thường thêm số tiền này cho anh Kh nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Kh số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật và bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: đối với 01 tuýp sắt bằng kim loại, màu trắng sáng dài 62cm, đường kính 2cm, một đầu quấn dây cao su màu đen; 01 tuýp sắt bằng kim loại màu trắng, bên trong rỗng, dài 65cm, đường kính 2cm, một đầu in chữ VINAPI; 01 điện thoại di động Sam Sung Viettel GT-E 1081T, màu đỏ, đen, số IMEI 356149/04/91508718 bên trong lắp sim số 0963.987.527 thu giữ của Trần Văn L; 01 điện thoại di động Viettel Model V6503, màu đồng, 2 sim, 2 sóng, số IMEI 354902060061065 SVN78; 35490260061073 SVN78 bên trong lắp 02 sim số 0988449553 và 0936779574 thu giữ của Trần Văn A; 01 điện thoại di động 110I, màu trắng đen, số xeri 353943015749082, IMEI 354308 bên trong lắp sim số 0914918862 thu giữ của Hoàng Văn Th đã được giải quyết trong Bản án số 11/2017/HSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố HD. Đối với vật chứng là 01 thanh gỗ dài khoảng 2m, bản rộng khoảng 5cm, A đã để lại ở gốc cây bàng trước cửa nhà số 8 Tự Đông, phường Cẩm Thượng, thành phố HD, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố HD đã truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được; đối với chiếc điện thoại của bị cáo T, bị cáo trình bày bị cáo đưa cho anh Kh gọi điện thoại cho người nhà đến trả tiền nhưng bị cáo đã làm mất, không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm đồng thời phải bồi thường cho người bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Sỹ T phạm tội: "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 134; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Sỹ T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ 3 ngày tạm giữ (từ ngày 05/9/2017 đến ngày 08/9/2017), bị cáo còn phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 590; Điều 592 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Sỹ T phải bồi thường cho anh Mạc Văn Kh số tiền 3.000.000 đồng tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Kh có đơn yêu cầu thi hành các khoản tiền trên mà bị cáo Phạm Sỹ T chậm trả tiền thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Phạm Sỹ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD;
- Công an TP. HD;
- Chi cục THADS TP. HD;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thúy Hạnh